

## Xin Góp Ý Một Số Chi Tiết Về Đức Phật Lịch Sử Nơi Trang Wikipedia Tiếng Việt

Lời thưa.

Sau khi viết bài "*Những chi tiết dị, đồng về đức Phật lịch sử*", BBT. Thư Viện Hoa Sen gợi ý tôi xem lại trang Wikipedia Tiếng Việt cùng một đề tài liên hệ. Xem xong, tôi nghĩ, mình không dám và cả không có khả năng thò tay vào đây để sửa hay điều chỉnh được; vả lại đây là công việc của các nhà nghiên cứu, họ có chuyên môn về cách làm hơn. Tôi thì xin chịu. Do vậy, tôi bèn copy lại, dựa theo trang Wikipedia ấy, rồi thêm chỗ này, bớt chỗ kia, dĩ nhiên là theo chủ quan kiến thức Phật học của mình.

Xin tạ lỗi với các bạn đã dày công biên soạn bộ từ điển bách khoa mở này, trong đó có cuộc đời của đức Phật lịch sử. Các bạn cứ xem đây là một thành viên mới tập tễnh vào nghề; nếu sự đóng góp này là đúng đắn và có lợi lạc cho độc giả phần đông thì các bạn đừng bỏ qua một bên! Hãy cứ truy nguồn để nắm bắt sự thật. Tôi nói vậy, làm vậy, có gì sơ suất hoặc không đúng luật, xin các bạn thông cảm cho.

Mong vậy thay,

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH (Tỳ-khưu Giới Đức)

**Sĩ-đạt-ta Cồ-đàm** là tên phiên âm từ tiếng **p. Siddhattha Gotama** (s. *Siddhārtha Gautama*) khi còn là Bồ-tát của đức Phật Thích-ca Mâu-ni (*p.Sakyā-Muni*), hay là đức Phật Cồ-đàm (*p.Gotama Buddha*). Như vậy Sĩ-đạt-ta Cồ-đàm là tên của vị Phật lịch sử, từng sống, từng có mặt tại đất nước cổ xưa Ấn Độ, còn bia văn, bi ký, sử tích cùng Tam tạng kinh điển làm chứng liệu. Là người khai sinh đạo Phật trên thế gian, ngài còn được gọi là **Phật Tổ Như Lai**.

### Mục lục

[[ẩn](#)]

- 
- [1 Cuộc đời](#)
  - [1.1 Bối cảnh và gia thế](#)
  - [1.2 Xuất gia và thành đạo](#)
  - [1.3 Hóa độ và tịch diệt](#)
- [2 Chú thích](#)
- [3 Tham khảo](#)
- [4 Xem thêm](#)
- [5 Liên kết ngoài](#)

**Cuộc đời**[\[sửa | sửa mã nguồn\]](#)

**Bối cảnh và gia thế**[\[sửa | sửa mã nguồn\]](#)



Nhà tiên tri Asita, tiên đoán vận mệnh thái tử.

**Sĩ-đạt-ta** sinh khoảng năm 623 trước TL. trong một gia đình hoàng tộc thuộc dòng Thích-ca (s. *Śākya*; p. *Sakyā*) tại Ca-ti-la-vệ (zh. 迦毘羅衛, S. *Kapilavastu*; p. *Kapilavatthu*) thuộc Nepal ngày nay. Cha của Sĩ-đạt-ta là vua Tịnh Phạn (zh. 淨飯, s. *Suddhodana*; p. *Suddhodana*), mẹ là hoàng hậu Ma-ha-ma-da (s.p. *Māyādevī*; *Mahāmāyādevī*), đản sinh Sĩ-đạt-ta trong khu vực vườn Lâm-Tỳ-Ni (zh. 嵐毘尼, s. p. *Lumbinī*; ), một địa danh nằm giữa hai tiểu quốc Sakyā và Koliya thờ bảy giờ. Đây là khu vực nằm giữa dãy Hi-mã-lạp sơn (s. *Himālaya*; p. *Himalaya*) và sông Hằng (s.p. *Gaṅgā*), chịu ảnh hưởng khí hậu gió mùa: Tháng 5 có thể nóng tới 40 °C, trong mùa đông nhiệt độ xuống tới 3 °C.

Về mặt địa-chính-trị, vùng đồng bằng sông Hằng thời đó có 4 nước lớn là:

1. Vương quốc Kiều-tát-la (zh. 憍薩羅, s. *Kośala*, p. *Kosala*), thủ đô là Xá-vệ (舍衛, s. *Śrāvastī*, pi. *Sāvattthī*) ở về phía Tây bắc của Ma-kiệt-đà (p. *Magadha*) và nằm cạnh nước Kāsī<sup>(1)</sup>, thuộc mạn Bắc sông Hằng (p. *Gaṅgā*).
2. Vương quốc Vaṃsā, còn được gọi là Vatsā - nằm phía Nam Kiều-tát-la (Kosala) thủ đô là Kiều-thường-di (Kosambī), bên bờ con sông Yamuna<sup>(2)</sup>.
3. Vương quốc Avanti, thủ đô là Ujjenī, ở miền Nam của Vaṃsā<sup>(3)</sup> và Kosala, trải dài tới phía Nam sông Gaṅgā.
4. Vương quốc Ma-kiệt-đà (s. p. *Magadha*), thủ đô là Vương-xá (Rājagaha) tại cổ thành Giribbaja nằm về phía Đông nam<sup>(4)</sup> của Avanti và Nam của sông Gaṅgā.

Trong bốn nước ấy thì Magadha và Kosala được xem là lớn nhất; do vậy, tại hai vương quốc này, đức Phật cho thiết lập hai trung tâm tu học nổi tiếng, đấy là Trúc Lâm tịnh xá và Kỳ Viên tịnh xá.

Ngoài ra còn rất nhiều các nước nhỏ hoặc các bộ tộc rải rác bờ Bắc và bờ Nam sông Gangā, và cả Trung bắc Ấn, bước chân của đức Phật và Tăng đoàn thánh hạnh của ngài hằng đến giáo hóa còn lưu lại trong kinh điển, đó là Vesāli, Vajjī, Licchavī, Videha, Moriya, Malla, Koliya, Sakyā... và một số nơi khác như Kālāma, Kāsi, Aṅga...

Xã hội trong thời kỳ này phân hóa về tư tưởng, kỳ thị về tập cấp rất phức tạp vì có 4 giai cấp theo kinh điển Vệ-đà: Bà-la-môn (*Brāhmaṇa*) gồm giới tu sĩ và các thầy tư tế; Sát-đế-ly (*p. Khattiya; s. Kṣtriya*) gồm vua chúa, tướng lãnh và chiến sĩ; Vệ-xá (*p. Vessa; s. Vaiśya*) gồm giới thương buôn, buôn bán sỉ và lẻ, các ngành nghề thủ công; và Thủ-đà-la (*p. Sudda, Sūdra; s. sūdra*) gồm những nghề lao động tay chân nặng nhọc. Ngoài ra còn có hạng tiện dân, nô lệ Chiên-đà-la (*p. Caṇḍāla*) ở tận đáy xã hội, không được 4 giai cấp trên thừa nhận. Mấy ngàn năm trước, giới Bà-la-môn nghĩ mình được sinh ra từ miệng Phạm thiên nên họ ăn trên ngồi trước, lãnh đạo tinh thần xã hội, và họ nắm độc quyền liên hệ với thần linh. Do các giai cấp khác được sinh ra từ vai, từ bụng và từ chân của đấng Phạm thiên nên họ phải có bốn phận kính trọng, phục vụ giới Bà-la-môn thượng đẳng có huyết thống thanh tịnh đến bảy đời! Tuy nhiên, đến thời đức Phật Sakyā xuất hiện, giai cấp Sát-đế-ly nắm quyền thống lãnh, đứng đầu 4 tập cấp, lãnh đạo xã hội – thì giới Bà-la-môn đã sa sút, bị tụt hạng, đến nỗi có rất nhiều Bà-la-môn phải đi xin ăn! Và thời nào cũng vậy, giai cấp Thủ-đà-la luôn bị coi khinh, kỳ thị; riêng giới Chiên-đà-la thì sống ngoài rìa xã hội, đến nỗi luật maṇu của Vệ-đà còn xem giới Chiên-đà-la không phải là người - nên giết họ không phạm tội giết người!

Đức Phật với tư tưởng: “*Không có giai cấp trong giọt máu cùng đỏ, mồ hôi cùng mặn*” nên ngài đã thu nhận vào giáo hội kẻ ăn xin, người hốt phân, tên sát nhân, cô gái giang hồ... và giáo hóa họ thành thánh nhân cả thảy. Đây phải gọi là cuộc cách mạng dân chủ, giải phóng về tư tưởng đầu tiên và sớm nhất trong lịch sử loài người!

Có nhiều truyền thuyết về thái tử Sĩ-đạt-ta. Có thuyết cho rằng một đêm, hoàng hậu Ma-ha-ma-da nằm mơ thấy một vị Bồ Tát với dạng con voi trắng sáu ngà, ôm một bó sen trắng thơm ngào ngạt rồi chui vào hông mặt của lệnh bà. Tại vườn Lâm-tỳ-ni, thái tử Sĩ-đạt-ta cũng được sinh ra từ hông bên mặt của mẹ, sau đó đi bảy bước, một tay chỉ lên trời, tay kia chỉ xuống đất rồi thốt lên một câu kệ ngôn:

<i>Aggo ahaṃ asmi lokassa,</i>	Ta <sup>(5)</sup> là <b>tối thượng</b> của thế gian,
<i>Jeṭṭho ahaṃ asmi lokassa,</i>	Ta là <b>tối tôn</b> của thế gian,
<i>Seṭṭho ahaṃ asmi lokassa,</i>	Ta là <b>tối thắng</b> của thế gian,
<i>Ayaṃ antimā jāti,</i>	Đây là lần sinh cuối cùng,
<i>Natthi dāni punabbhavo.</i>	<b>Từ nay</b> không còn tái sinh nữa!

---

Đây là theo Trường bộ kinh (p. *Dīghanikāya*) Đại phẩm (p. *Mahāvagga*) và kinh Đại bản (p. *Mahāpadānasutta*), thuộc hệ Pāli. Còn kinh văn Hán tạng dịch câu kệ trên là “*Thiên thượng thiên hạ, Duy ngã độc tôn; Nhất thiết thế gian, Sinh lão bệnh tử*”, nghĩa hai câu đầu là “*Trên trời dưới đất chỉ có ta là tôn quý hơn cả*”. Sau này, *cái ta ấy được dịch lại là “cái ngã Pháp thân”<sup>(6)</sup>*. Và dưới mỗi bước chân của thái tử phát sinh một đóa sen. Ngày nay, trong tranh tượng còn thấy tích này.



Đền thờ công chúa Da-du-đà-la

Ngày lúc sinh ra, **Sĩ-đạt-ta** đã có đầy đủ **32 quý tướng** và **80 vẻ đẹp**. Các nhà Bà-la-môn đoán tướng, họ đưa lên hai ngón tay và cho rằng **Sĩ-đạt-ta** sẽ trở thành hoặc một đại đế hay một bậc giác ngộ. Riêng Bà-la-môn trẻ tuổi tên là Koṇḍañña thì chỉ đưa lên một ngón tay, và bảo rằng, thái tử chỉ đi theo một con đường duy nhất, là xuất gia và sẽ đắc quả vị Chánh Đẳng Giác. Và cũng đúng như lời tiên tri của đạo sĩ Asita, 7 ngày sau khi sinh thì hoàng hậu Ma-ha-ma-da mất, Sĩ-đạt-ta được người di là Ma-ha-ba-xà-ba-đề (zh. 摩訶波闍波提, s. *Mahāprajāpatī*; p. *Mahā Pajāpatī Gotamī*) chăm sóc. Năm lên 16 tuổi, **Sĩ-đạt-ta** kết hôn với công chúa Da-du-đà-la (zh. 耶輸陀羅, s. *yaśodharā*; p. *Yasodharā*).

Vua cha Tịnh Phạn, dĩ nhiên, không muốn **Sĩ-đạt-ta** đi tu nên dạy dỗ cho con rất kỹ lưỡng, nhất là không cho thái tử tiếp xúc với cảnh khổ. Tuy thế, sau bốn lần ra bốn cửa thành và thấy người già, người bệnh, người chết và một vị tu sĩ, thái tử động tâm rồi từ biệt hoàng cung, sống cảnh không nhà, quyết tìm cho ra con đường “*giải quyết tử sinh đại sự*” của kiếp người. Tương truyền rằng, bốn cảnh ngộ vừa kể là những cảnh tượng do các vị thiên nhân tạo ra nhằm nhắc nhở **Sĩ-đạt-ta** lên đường tầm đạo. Thái tử thấy rằng ba cảnh đầu tượng trưng cho cái **Khổ** trong thế gian và hình ảnh tu sĩ chính là cuộc đời **sau này** của **Sĩ-đạt-ta** vậy.



Giấc mơ thấy voi trắng **chui vào hông phải của hoàng hậu Mahāmāyā.**



Hoàng hậu **Mahāmāyā** trên xe ngựa ghé qua vườn Lumbinī



Thái tử ra đời từ hông bên phải của hoàng hậu, tại vườn Lumbinī



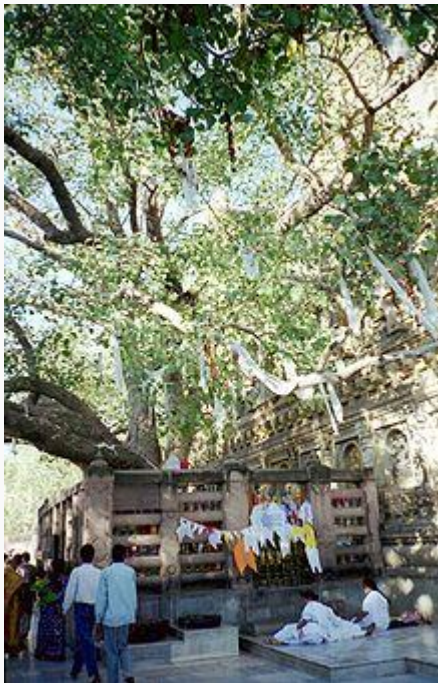
Phạn Vương và đoàn tùy tùng

**Xuất gia và thành đạo** [sửa | sửa mã nguồn]





Đức Phật và La-hâu-la



Chính dưới gốc bồ đề tại Bodh-gayā này, là nơi Đức Phật đã ngồi thiền thành đạo.

Năm 29 tuổi, sau khi công chúa Da-du-đà-la hạ sinh một bé trai, được đặt tên là **La-hâu-la** (zh. 羅睺羅, s.p. *Rāhula*), thái tử **Sĩ-đạt-ta** quyết định lìa cung điện, lang thang sống đời khất sĩ, du phương tìm đạo.

**Đầu tiên, Sĩ-đạt-ta tìm đến hai vị đạo sư** nổi tiếng thời đó là A-la-la Ca-lam (阿羅邏迦藍, s. *Ārāda Kālāma*, p. *Ālāra Kālāma*) và Ưu-đà-la La-ma tử (優陀羅羅摩子, s. *Rudraka Rāmaputra*, p. *Uddaka Rāmaputta*). Ngài học nơi A-la-la Ca-lam, **Sĩ-đạt-ta** đạt tầng **Thiền Vô sở hữu xứ** (s. *Ākiṃcanyāyatana*, p. *Ākiñcaññāyatana*), học nơi Ưu-đà-la La-ma tử thì đạt tầng thiền **Phi tưởng phi phi tưởng xứ** (s. *Naivasamjñā-Nāsamñāyatana*) –

*p.Nevasaññā-Nāsaññāyatana*) - là hai bậc thiền cuối cùng của Vô sắc giới. Tuy nhiên, **Sĩ-đạt-ta** thấy rằng, dù đã đạt tầng thiền định cao nhất trong Tam giới, nó cũng chỉ làm cho tham sân, phiền não lắng dịu, chứ không mang đến giác ngộ, giải thoát một cách rốt ráo, nghĩ vậy, ngài từ giả ra đi.

Theo truyền thống Ấn Độ bấy giờ, **tu tập ép xác khổ hạnh là pháp môn cao thượng được thế gian trân trọng nên Sĩ-đạt-ta quyết thử đi theo con đường này!** Tuy nhiên, sau 6 năm hành trì gian khổ cùng với 5 đạo sĩ Kiều Trần Như (*p. Koṇḍañña*), mà vẫn không có kết quả, vì khổ hạnh ép xác thái quá chỉ dẫn đến cái chết mà thôi.

Hôm kia, kiệt lực bất tỉnh, may nhờ bát sữa của nàng Sujātā do cô bé ở gái Puṇṇā mang đến mà Sĩ-đạt-ta sống lại. Khi sức khỏe đã hồi phục, Sĩ-đạt-ta quyết định từ bỏ khổ hạnh. Năm vị đạo sĩ đồng tu, nghĩ rằng Sĩ-đạt-ta đã trở lại đời sống lợi dưỡng nên họ lặng lẽ rời xa ngài.

Dưới cội cây Assattha, bên bờ sông Nerañjarā (Ni-lyên-thuyền), Sĩ-đạt-ta quyết lựa chọn con đường của riêng mình, và ngài nhớ lại một kinh nghiệm thời thơ ấu:

*Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: "Ta biết, trong khi phụ thân Ta, thuộc giòng Sakyā (Thích-ca) đang cày và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây diêm-phù-đề (p. jambu), Ta lỵ dục, lỵ pháp bất thiện chướng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỉ lạc do lỵ dục sinh, có tầm, có tứ." Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: "Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng?" Và này Aggivessana, tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: "Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ." Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: "Ta có sợ chăng lạc thụ này, một lạc thọ lỵ dục, lỵ pháp bất thiện?" Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: "Ta không sợ lạc thụ này, một lạc thọ lỵ dục, lỵ pháp bất thiện".*

Sau này, đức Phật kể lại như sau:

*"... Sau khi hoàn lại sinh lực (sau khi tu khổ hạnh vô ích), ta chú tâm giải thoát khỏi những tư tưởng tham ái, bất thiện và đạt được sơ thiền, sau đó nhị thiền, tam thiền và tứ thiền, nhưng những cảm giác hỉ lạc này không để lại dấu vết gì trong tâm ta.*

*Khi tâm ta được an tịnh, thanh lọc, không bị dục vọng cấu uế, nhay bén, chắc chắn, bất động, ta hướng nó về những kí ức và nhận thức về các kiếp trước. Ta nhớ lại nhiều tiền kiếp, một, hai, ba, bốn, năm,..., trăm ngàn kiếp trước, nhớ những chu kỳ của thế giới. 'Nơi đó ta đã sống, tên của ta đã như thế, gia đình của ta là như thế, nghề nghiệp của ta, giai cấp xã hội của ta... Ta đã chết như vậy...'. Sự hiểu biết, minh (sa. vidyā, pi. vijjā) – "túc mạng minh" đầu tiên này ta đã đạt được trong canh đầu <sup>[3]</sup>...*

*Sau đó ta chú tâm đến sự sinh thành và hoại diệt của chúng sinh. Với con mắt của chư thiên, trong sáng, siêu việt mọi giới hạn nhân thế, ta thấy chúng sinh hình thành và tiêu*

hoại,...chúng sinh tái sinh theo nghiệp lực. Ta nhận ra rằng 'Chúng sinh tạo nghiệp bất thiện qua ba ãi thân khẩu ý đều chìm đắm sau khi chết, tái sinh trong đọa xứ, địa ngục. Các chúng sinh nào tạo thiện nghiệp bằng thân khẩu ý được tái sinh trong thiện đạo, sau khi chết được lên cõi thiên'... Sự hiểu biết, minh – “thiên nhãn minh” thứ hai này ta đã đạt được trong canh hai<sup>[4]</sup>.

Sau đó ta chú tâm nhận thức về sự tiêu diệt các lậu hoặc (漏, sa. āsrava, pi. āsava) và nhìn nhận như thật: 'Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là phương pháp tiêu diệt khổ, đây là con đường tiêu diệt khổ', và khi ta nhận thức được điều này, tâm ta thoát khỏi dục vọng, ham muốn tồn tại, vô minh. Ta tự hiểu chân lí 'Tái sinh ta đã đoạn, cuộc sống tu tập của ta đã hoàn tất, ta đã hoàn thành những gì phải làm. Cuộc sống (khổ đau) này ta đã vượt qua'... Sự hiểu biết thứ ba này, minh “lậu tận minh” ta đã đạt được trong canh ba<sup>[5]</sup>...".

Thế là vào cuối canh ba, khi trăng vừa lặn, sau mai vừa mọc, tháng Vesākha, dưới cội cây Assattha, bên bờ sông Nerañjarā, gần tụ lạc Uruvelā, Sĩ-đạt-ta đã chứng quả vị Đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác – năm ấy ngài vừa tròn 35 tuổi.

Sau đêm giác ngộ, 7 ngày đầu tiên, đức Phật ngồi tại cội cây giác ngộ (*bodhi rukkha*) để chứng nghiệm và thọ hưởng hạnh phúc giải thoát siêu thế, đồng thời quán sát lại pháp tùy thuộc duyên khởi.

7 ngày thứ hai, đức Phật đứng nhìn cội cây giác ngộ, biểu hiện hạnh tri ân tàng cây xanh kia đã che sương đỡ nắng cho ngài.

7 ngày thứ ba, do suốt nửa tháng thấy đức Phật cứ ở mãi bên cội cây Bồ-đề, chư thiên hoài nghi không biết ngài đã chứng ngộ chưa – nên ngài đã sử dụng thần thông làm một con đường bằng ngọc (*ratana-camkamana*) giữa hư không rồi đi kinh hành qua lại, lui tới.

7 ngày thứ tư, đức Phật kiến tạo một ngôi lầu bằng ngọc (*ratanaghara*), ngài ngồi trong ấy để rà soát lại cả nội dung và chi tiết của tạng Abhidhamma.

7 ngày thứ năm, đức Phật đi qua hướng Đông của cội Bồ-đề, tọa thiền tĩnh tại dưới cội cây Ajapālanirodha thọ hưởng hạnh phúc vô vi giải thoát. Đồng thời, tại đây, đức Phật nhiếp phục ba cô con gái của Đại ma vương là Tạnhā, Arati và Rāga.

7 ngày thứ sáu, đức Phật đi qua hướng Đông của cội cây Ajapālanirodha, ngồi phía bên phải của cội cây Muccalinda (*muccalinda rukkha*) – thì bất chợt mưa đổ tầm tã. Có con rồng bảy đầu, thấy vậy, bò đến, nhẹ nhàng quấn quanh mình đức Phật bảy vòng rồi nó dùng cái mang của nó che đầu cho ngài như một tàng lọng vĩ đại.



7 ngày thứ bảy, đức Phật dời chân qua bên phải cội cây Muccalinda, ngồi dưới tàn cây Rājāyatana, nhập định diệt thọ tưởng để hưởng hạnh phúc siêu thế. Sau 7 ngày xả định, có hai thương buôn người Miến Điện là Tapussa và Bhallika đến dâng đức Phật bánh bột rang và mật ong (*sattu và madhu*). Thấy đức Phật không có gì để thọ nhận, Tứ đại thiên vương tức khắc xuất hiện và dâng ngài 4 bình bát bằng đá. Đức Phật thọ nhận, dùng thần thông nhập 4 bát thành một rồi thọ nhận vật cúng dường của hai thương buôn. Họ là hai vị cư sĩ đầu tiên quy y Nhị Bảo, và nhận 8 sợi tóc của đức Phật, sau này còn thờ tại Đại Bảo tháp Shwedagoon, tại Rangoon – Myanmar.

Thế là 49 ngày <sup>(7)</sup> sau khi thành đạo, đức Phật vừa thọ hưởng hạnh phúc siêu thế vừa xem lại pháp vừa chứng ngộ, ngài thấy rằng, pháp ấy thậm thâm vi diệu quá, thế gian nhiều bụi cát trong mắt, khó mà lãnh hội được nên ngài ngần ngại, do dự, chưa muốn thuyết pháp độ sinh. Cuối cùng, được sự thỉnh cầu của Phạm thiên Sahampati, Phật mới quyết định lên đường chuyển bánh xe Pháp.

## Hóa độ và tịch diệt [sửa | sửa mã nguồn]

Tại **Lộc Uyển** ở **Sarnath** gần **Ba-la-nại** (*Benares hay p. Bārāṇasī*) đức Phật bắt đầu giảng hai bài kinh đầu tiên, là "*Chuyển Pháp luân*" và "*Vô ngã tướng*" để độ cho 5 đạo sĩ nhóm ngài Kiều-trần-như (*Koṇḍañña*), bạn hữu đồng tu khổ hạnh thưở nào được đấng A-la-hán và thành lập giáo hội đầu tiên, chỉ có 5 vị tỳ-khưu đầu tiên, vào mùa an cư thứ nhất. Sau đó, đức Phật độ thêm công tử Yasa cùng 55 bạn hữu nữa. Trước 60 vị thánh nhân trí giả A-la-hán, đức Phật khuyên họ mỗi người nên đi mỗi phương, đừng đi chung nhau, hoằng hóa giáo pháp vì lợi ích cho chư thiên và nhân loại.



Đức Phật thuyết pháp cho 5 vị Tỳ-khưu đầu tiên

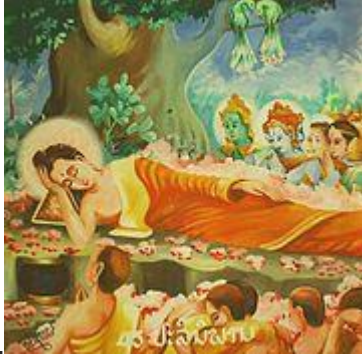
Sau đó đức Phật đi hoằng hóa từ năm này qua năm khác. Ngài hay lưu trú tại Trúc Lâm tịnh xá ở kinh thành **Vương-xá** (zh. 王舍城, s. *Rājagṛha*; p. *Rājagaha*), Kỳ Viên tịnh xá ở kinh thành Xá-vệ (p. *Savatthi*) Kiền-tát-la (p. *Kosala*) và Đại lâm viên (*Mahāvana*) ở kinh thành Phệ-xá-ly (zh. 吠舍釐, s. *Vaiśālī*; p. *Vesālī*), sống bằng trì bình khất thực, tùy duyên giáo hóa chúng sanh. Đệ tử của Phật càng lúc càng đông. Trong hàng vua chúa có vua Ba-tư-nặc (p. *Pāsenadi*) nước Kosala và vua **Tần-bà-sa-la** (zh. 頻婆娑羅, p. *Bimbisāra*) nước Ma-kiệt-đà. Trong hàng cận sự có hai vị đại thí chủ là ông Cấp-cô-độc và bà Visākhā. Các đệ tử quan trọng thượng tôn Tăng đoàn có hai vị đại đệ tử là Xá-lợi-phất (*Sāriputta*), đệ nhất trí tuệ và Mục-kiền-liên (*Moggallāna*), đệ nhất thần thông. Ngoài ra, còn các bậc trưởng lão thanh tịnh khác thường nêu gương cho tứ chúng. Đó là tôn giả Đại Ca Diếp (*Mahā Kassapa*), đệ nhất đầu-đà khổ hạnh. Tôn giả Ưu-bà-ly (*Upāli*), đệ nhất về luật. Tôn giả A-nan-đà (*Ānanda*) đệ nhất đa văn. Tôn giả A-nậu-đà-la (*Anuruddha*) đệ nhất thiên nhãn. Rồi còn chư vị trưởng lão đệ nhất ẩn cư, đệ nhất thuyết pháp, đệ nhất thiền định, đệ nhất ở rừng... thật là không kể xiết.

Vào hạ thứ 5, tại Vesālī, giáo hội tỳ-khưu-ni (s. *Bhikṣuṇī*; p. *Bhikkhunī*) cũng được thành lập sau đó phát triển lớn mạnh. Di mẫu của Phật là bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề (p. *Mahā Pajāpati Gotamī*) xuất gia, đắc quả A-la-hán và lãnh đạo Ni chúng. Công chúa Da-du-đà-la cũng xuất gia, đắc quả A-la-hán và có thần thông đệ nhất bên Ni giới. Như vậy, lại một lần nữa, đức Phật xóa bỏ quan niệm trọng nam khinh nữ theo luật Manu của Ấn Độ cổ thời.

Cuộc đời Đức Phật cũng gặp nhiều người xấu muốn ám hại. Trong số đó, có **Đề-bà-đạt-đa** (p. *Devadatta*) con vua Thiện Giác (*Suppabuddha*), muốn giành quyền thống lĩnh Tăng-già, nên rắp tâm tìm cách giết hại Đức Phật nhiều lần nhưng không thành. Tuy thế Đề-bà-đạt-đa thành công trong việc chia rẽ Tăng-già. Đức Phật đi con đường trung đạo và tùy thuận chúng sanh, ngược lại Đề-bà-đạt-đa chủ trương một cuộc sống khổ hạnh cực đoan.

Sống đến năm 80 tuổi, Đức Phật Thích-ca tịch diệt. Qua 45 năm giảng dạy [có tài liệu nói là 49 năm] nghĩ rằng các đệ tử có thể chấp lời mình nói là chân lý, chứ không phải chỉ là phương tiện **giác ngộ** nên đức Phật tuyên bố là ngài chưa từng nói lời nào. Lời dạy cuối cùng của Đức Phật là: "*Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, chịu biến hoại, hãy tinh tiến tu học (để đạt giải thoát)!*" - theo kinh **Đại-bát-niết-bàn** (p. *mahāparinibbāna-sutta*), Đức Phật nhập diệt tại Câu-thi-na (zh. 拘尸那, s. *kuṣinagara*; p. *Kusināra*) vào năm 486 (hay 483 trước Công nguyên). Trước đó sức khỏe của Ngài đã trở nên rất yếu sau khi dùng bữa cúng dường tại nhà thí chủ Thuần-đà (zh. 純陀, p. *cunda*), tuy nhiên sau đó Ngài có nhân mạnh cho tôn giả A-nan-đà hiểu là Tăng chúng không nên khiển trách người thợ rèn đó đã có thiện ý tối thượng. Đức Phật tạo điều kiện cho các chư tỳ-khưu cơ hội cuối cùng để chất vấn hay hỏi đáp Ngài nếu như có những vấn đề hay những điểm nào còn chưa

sáng tỏ có thể đưa đến các kiến giải khác nhau về sau, tuy nhiên các vị đã im lặng, không có những câu hỏi hay thắc mắc nào.



Đức Phật nhập **Niết-bàn** trong rừng Sāla tại Câu Thi Na (Kusinārā)

Trong cánh rừng Sāla ven phía Nam thành phố Câu-thi-na, nước Malla, đêm sáng trăng và tĩnh mịch, Đức Phật nằm nghiêng bên phía hữu, đầu hướng về phía Bắc, mặt hướng về phía Tây và dần nhập **Niết-bàn** thông qua các mức thiền định, một trạng thái giải thoát hoàn toàn khổ đau của cuộc sống. Theo truyền thuyết Pāli thì Đức Phật diệt độ ngày rằm tháng tư, văn bản Phạn ngữ cho rằng ngày rằm tháng 11. Trong buổi hỏa thiêu thân xác của Đức Phật có nhiều hiện tượng lạ xảy ra. **Xá-lợi** của Phật được chia làm 8 phần và được thờ trong các quốc độ khác nhau.

Mặc dù cuộc đời Đức Phật có nhiều huyền thoại bao phủ nhưng các nhà khảo cổ học và nhân chủng học - vốn hay có nhiều hoài nghi và thành kiến - cũng đều nhất trí công nhận Đức Phật là một **nhân vật lịch sử** và người đã khai sáng **Phật giáo**.

## Chú thích[sửa | sửa mã nguồn]

<sup>(1)</sup> Xem Dictionary of Pāli Proper Names, Q.1, trang 695.

<sup>(2)</sup> Sđd, Q.1, trang 192.

<sup>(3)</sup> Như trên.

<sup>(4)</sup> Sđd. Q2. Trang 402.

<sup>(5)</sup> Ta ở đây là "Tánh Giác" chứ không phải "cái ngã", vì giáo pháp của đức Phật là vô ngã.

<sup>(6)</sup> Hòa thượng Thanh Từ giảng – đăng ở Giác Ngộ Online

<sup>(7)</sup> Xem WWW. Buddhnet.net